

---***---

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2021.

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Hạnh Quỳnh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Quốc Văn Tài**

2. Bà **Tường Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Dương Văn Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số 359/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn TH, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh **Lương Văn T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn LĐ1, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú: Thôn TH, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2020 và quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị **Ngô Thị H** và anh **Lương Văn T** qua tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Chiêm Hóa vào năm 1998 theo

Giấy chứng nhận kết hôn ghi ngày 16/12/1998, chị H và anh T được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống tại thôn LĐ1, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang một thời gian, sau đó cả hai chuyển về chung sống tại thôn TH, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì anh T vi phạm pháp luật phải chấp hành án trong trại giam 01 năm nên từ đó tình cảm vợ chồng đã không còn nữa. Sau khi anh T chấp hành án xong, trở về địa phương, hai vợ chồng anh chị tiếp tục chung sống nhưng do anh T thường xuyên uống rượu nên vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã. Đến năm 2017 anh chị sống ly thân, cụ thể chị H dọn ra sống tại căn nhà bếp liền với nhà chính, còn anh T sống tại căn nhà chính. Vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn cãi vã, năm 2019 chị H đã gửi đơn khởi kiện xin ly hôn sau đó được Tòa án hòa giải anh chị lại về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, vào tháng 01 năm 2021 anh T làm đơn gửi đến Công an xã PT tố giác chị H có hành vi dùng dao gây thương tích cho anh T, tuy sau đó anh T đã rút đơn nhưng sự việc trên khiến cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên là Lương Thị H, sinh ngày 28/8/1999 và Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005. Cháu Lương Thị H đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết; còn cháu Hư ở cùng chị H kể từ khi vợ chồng ly thân, do cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn nên chị H đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai đề ngày 07/12/2020 và trong quá trình giải quyết bị đơn anh Lương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Ngô Thị H do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, anh chị được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn LĐ1, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang được một thời gian thì chuyển ra thôn TH, xã PT, huyện Chiêm Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2001 thì bản thân anh vi phạm pháp luật phải chấp hành án trong trại giam, do vợ chồng không có điều kiện gần nhau nên không quan tâm và hiểu nhau. Sau khi chấp hành án xong, trở về địa phương vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, cho đến năm 2017, anh T bị bệnh phải chạy chữa mất nhiều tiền dẫn tới ảnh hưởng kinh tế gia đình. Vào năm 2018 chị H đã tự ý dọn ra ở tại căn nhà bếp liền với nhà chính nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T cũng nhiều lần mong muốn hàn gắn tình cảm và khuyên bảo chị H đoàn tụ nhưng chị H không nhất trí. Chị H xin ly hôn, anh T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn và mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Anh T chị H có 02 con chung tên là Lương Thị H, sinh ngày 28/8/1999 và Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005. Cháu Lương Thị H đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu Hư có nguyện vọng được ở với mẹ nên anh T nêu quan điểm trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh nhất trí để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu (theo nguyện vọng của con) và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2021 cháu Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005 trình bày ở cùng mẹ kể từ khi bố mẹ ly thân vào năm 2017 và sau khi bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa chị Ngô Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm của mình như trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải; chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lương Văn T không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; về con chung: Chị H có nguyện vọng là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005 (theo nguyện vọng của con) và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Đối với cháu Lương Thị H, sinh ngày 28/8/1999 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Lương Văn T nhất trí ly hôn để giải phóng cuộc sống chung cho nhau, về con chung nhất trí để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005 (theo nguyện vọng của con) và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Đối với cháu Lương Thị H, sinh ngày 28/8/1999 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Anh T yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung giữa anh và chị H gồm 01 ngôi nhà sàn gỗ ba gian, 01 nhà bếp; Về nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 227, 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Lương Văn T; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngô Thị H và anh Lương Văn T, chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở; Cháu Lương Thị H, sinh ngày 28/8/1999 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên

không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Căn cứ theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét giải quyết trong vụ án này; Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, do vậy không đề cập giải quyết; Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho ly hôn với anh Lương Văn T, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; anh Lương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn LĐ1, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị H và anh Lương Văn T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Chiêm Hóa. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống tại thôn LĐ1, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang một thời gian, đến khoảng năm 1999 thì chuyển về chung sống tại thôn TH, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo chị H trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vào năm 2001 anh T vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án 01 năm, vợ chồng xa nhau dẫn tới tình cảm không còn, khi anh T chấp hành án xong về địa phương, tuy vợ chồng có chung sống nhưng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí xô xát, lần gần nhất là vào tháng 01 năm 2021 anh T đã làm đơn gửi đến Công an xã PT tố giác chị H có hành vi dùng dao gây thương tích cho anh T. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Anh T nhất trí ly hôn.

Qua điều tra xác minh cũng như kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã rất trầm trọng. Tại các biên bản xác minh ngày 25/02/2012 (BL số 36, 37, 40) thấy rằng chị H và anh T đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay và kể từ khi ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm yêu thương chăm sóc đối với nhau, thậm chí có lần vợ chồng xô xát, anh T gửi đơn đến Công an xã PT tố giác chị H có hành vi dùng dao gây thương tích cho anh T, tuy sau đó anh T đã rút đơn nhưng thực tế mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng. Chị H xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên là Lương Thị H, sinh ngày 28/8/1999 và Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005; cháu Lương Thị H đã đủ 18

tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét; Đối với cháu Hư ở cùng chị H kể từ khi vợ chồng ly thân; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn; cháu Lương Thị Hư trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn; anh T nhất trí giải quyết quyền nuôi con theo nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh T, chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị Hư. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị H tự thỏa thuận phân chia về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa anh T yêu cầu phân chia về tài sản chung gồm 01 ngôi nhà sàn gỗ ba gian và 01 nhà bếp; Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết và trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh T không có yêu cầu và không có đơn, tại phiên tòa có yêu cầu nên HĐXX căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét giải quyết yêu cầu của anh T trong vụ án này, mà sẽ xem xét giải quyết trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Không có, do vậy Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Anh Lương Văn T không phải chịu án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Lương Văn T.

2. *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngô Thị H và anh Lương Văn T; chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị Hư, sinh ngày 21/10/2005. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Cháu Lương Thị H, sinh ngày 28/8/1999 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí:* Chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng). Chị H đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002929 ngày 05/11/2020, nay được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã KĐ (nơi ĐKKH);
- UBND xã PT (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Hạnh Quỳnh